

Số: /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Triển khai mô hình liên kết “3 nhà” giai đoạn 2026 - 2030:
Cơ quan nhà nước - Viện nghiên cứu, trường đại học - Doanh nghiệp**

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Công văn số 9689/BTC-KTN ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn triển khai cơ chế tài chính đối với các nội dung chi trong mô hình hợp tác 3 nhà;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Chương trình công tác năm 2026);

Căn cứ Kết luận số 266-KL/TU ngày 06/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk về các nội dung liên quan đến xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai các bài toán lớn trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Chương trình số 17-CTr/TU ngày 10/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai mô hình liên kết “3 nhà” giai đoạn 2026 - 2030: Cơ quan nhà nước - Viện nghiên cứu, trường đại học - Doanh nghiệp như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả khoa học, công nghệ.

b) Hình thành cơ chế phối hợp nhằm đưa các kết quả nghiên cứu, sáng kiến, giải pháp công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Tạo môi trường kết nối cung - cầu công nghệ, thúc đẩy doanh nghiệp chủ động đặt hàng nghiên cứu, tiếp nhận và làm chủ công nghệ.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai mô hình phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, nhu cầu của doanh nghiệp và khả năng ứng dụng của các kết quả nghiên cứu.

b) Bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các bên tham gia; xác định rõ vai trò, trách nhiệm, nguồn lực và kết quả đầu ra.

c) Có cơ chế theo dõi, đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để nhân rộng các mô hình hiệu quả.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai mô hình liên kết “3 nhà” nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu, công nghệ, nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Kết nối, hỗ trợ triển khai ít nhất 10 mô hình hợp tác giữa cơ quan nhà nước - viện/trường - doanh nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận, ứng dụng ít nhất 20 kết quả nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật hoặc công nghệ phù hợp.

d) Hình thành các mô hình thử nghiệm, sản xuất ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh.

đ) Tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học trong đào tạo nhân lực, nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- a) Các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh;
- b) Các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ;
- c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức sản xuất, kinh doanh.
- d) Các chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

2. Phạm vi ưu tiên

- a) Nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, giống cây trồng, vật nuôi;
- b) Chế biến sâu, bảo quản nông sản, phát triển sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng, đặc hữu gắn với lợi thế của từng vùng, địa phương;
- c) Chuyển đổi số, dữ liệu số, truy xuất nguồn gốc;
- d) Công nghiệp chế biến, tự động hóa, đổi mới thiết bị;
- đ) Công nghệ môi trường, kinh tế tuần hoàn và các lĩnh vực có tiềm năng khác.
- e) Đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu doanh nghiệp, giáo dục STEM, STEAM và kỹ năng số; đào tạo nhân lực cho các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh.
- g) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; thu hút, sử dụng nhân tài và chuyên gia; đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý doanh nghiệp và doanh nhân; dự báo và kết nối cung - cầu lao động.

V. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

- 1. Rà soát hiện trạng, xác định nhu cầu và lựa chọn mô hình triển khai.
- 2. Rà soát các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ, quy trình kỹ thuật, sản phẩm đã được tạo ra có khả năng ứng dụng.
- 3. Khảo sát nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.
- 4. Xây dựng danh mục kết quả nghiên cứu, công nghệ sẵn sàng chuyển giao và danh mục nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp.

5. Lựa chọn các nội dung, lĩnh vực ưu tiên gắn với yêu cầu giải quyết các bài toán lớn của tỉnh để triển khai mô hình liên kết “3 nhà”, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

VI. CƠ CHẾ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

1. Cơ chế phối hợp

a) Cơ quan nhà nước giữ vai trò định hướng, điều phối, hỗ trợ kết nối nguồn lực, xây dựng môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

b) Viện nghiên cứu, trường đại học giữ vai trò nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, cung cấp chuyên gia, đào tạo nhân lực và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ.

c) Doanh nghiệp, Hợp tác xã giữ vai trò xác định nhu cầu thực tiễn, tham gia đặt hàng nghiên cứu, đầu tư ứng dụng, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm.

2. Cơ chế hỗ trợ triển khai

Hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện mô hình liên kết “3 nhà” được triển khai theo quy định hiện hành, tập trung vào các nội dung:

a) Khảo sát, đánh giá nhu cầu ứng dụng, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức sản xuất;

b) Đánh giá khả năng ứng dụng, hoàn thiện ý tưởng, giải pháp kỹ thuật và xây dựng phương án triển khai mô hình;

c) Hỗ trợ xây dựng, thử nghiệm, hoàn thiện mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế;

d) Hỗ trợ hoạt động chuyển giao, tiếp nhận, làm chủ và cải tiến công nghệ;

đ) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, nâng cao năng lực cho tổ chức, cá nhân tham gia;

e) Hỗ trợ đánh giá kết quả thực hiện, hoàn thiện quy trình kỹ thuật và nhân rộng mô hình hiệu quả.

3. Huy động và phát huy nguồn lực xã hội

a) Doanh nghiệp chủ động tham gia đầu tư, bố trí nguồn lực về kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện sản xuất để tiếp nhận, ứng dụng và phát triển công nghệ.

b) Viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia bằng nguồn lực về chuyên gia, kết quả nghiên cứu, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và năng lực nghiên cứu nhằm hỗ trợ triển khai mô hình.

c) Khuyến khích các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian khoa học và công nghệ tham gia tư vấn, kết nối, hỗ trợ phát triển sản phẩm, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

d) Khuyến khích hình thành cơ chế hợp tác, chia sẻ nguồn lực giữa các bên tham gia nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học, công nghệ và thúc đẩy phát triển bền vững các mô hình liên kết.

4. Nguyên tắc quản lý rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ

Đối với các mô hình nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ có yếu tố rủi ro, việc đánh giá kết quả thực hiện được xem xét theo quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các quy định liên quan về xử lý rủi ro trong hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở xem xét tổng thể các yếu tố sau:

a) Mục tiêu, nội dung, sản phẩm và yêu cầu kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thống nhất trong quá trình triển khai;

b) Quy trình nghiên cứu, phương án kỹ thuật, phương pháp thực hiện và các giải pháp chuyên môn đã được áp dụng;

c) Mức độ hoàn thành các nội dung nghiên cứu, sản phẩm trung gian, sản phẩm cuối cùng và khả năng ứng dụng của kết quả tạo ra;

d) Các yếu tố khách quan, điều kiện thực tế phát sinh trong quá trình nghiên cứu, thử nghiệm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện;

đ) Mức độ nỗ lực, trách nhiệm của các bên tham gia trong việc tổ chức thực hiện, kiểm soát rủi ro và khắc phục khó khăn.

e) Trên cơ sở kết quả đánh giá, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định, bảo đảm khuyến khích hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ nhưng vẫn sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ các nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành (kinh phí chi thường xuyên, kinh phí đầu tư phát triển); nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, hỗ trợ không trùng lặp với các chương trình khác; hỗ trợ trên cơ sở nhiệm vụ được phê duyệt; doanh nghiệp tham gia bố trí nguồn lực đối ứng theo quy định của từng nhiệm vụ hoặc chương trình.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai mô hình liên kết “3 nhà”.

b) Chủ trì xây dựng danh mục về: Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; công nghệ, giải pháp kỹ thuật có khả năng chuyển giao; lồng ghép trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

c) Chủ trì tổ chức các hoạt động kết nối giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

d) Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp đề xuất mô hình hợp tác phù hợp.

đ) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ thử nghiệm; tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, nhân rộng mô hình hiệu quả.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí nguồn lực thực hiện theo khả năng ngân sách và quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ chế tài chính, thanh quyết toán đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi kế hoạch. Nghiên cứu xây dựng chính sách để hỗ trợ hoạt động này.

c) Hướng dẫn các đơn vị lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để triển khai mô hình.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đề xuất các mô hình liên kết trong lĩnh vực: Nông nghiệp công nghệ cao; giống cây trồng, vật nuôi; công nghệ bảo quản, chế biến nông sản; nông nghiệp tuần hoàn, công nghệ môi trường; nông nghiệp, phát triển nông thôn.

b) Tổng hợp nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, Liên hiệp Hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp để kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các mô hình ứng dụng, đổi mới công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp, bao gồm công nghiệp chế biến, đổi mới máy móc, thiết bị, tự động hóa sản xuất và phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; kết nối doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong việc xây dựng các chương trình hợp tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Khuyến khích các cơ sở giáo dục tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo thực hành, trải nghiệm công nghệ, nghiên cứu ứng dụng và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

c) Phối hợp xây dựng các mô hình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp tham mưu các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển nguồn nhân lực, thu hút và sử dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao tham gia các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc xác định nhu cầu nhân lực, vị trí việc làm và yêu cầu năng lực phục vụ quá trình đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. UBND các xã, phường

a) Chủ động rà soát nhu cầu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; tổng hợp nhu cầu nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số để phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp tổ chức kết nối, chuyển giao, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

b) Trong quá trình triển khai, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; hỗ trợ kỹ thuật, kết nối các tổ chức khoa học và công nghệ, chuyên gia, doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan để tư vấn, hỗ trợ UBND các xã, phường triển khai, theo dõi, đánh giá hiệu quả các mô hình theo quy định.

8. Các sở, ban, ngành

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong việc triển khai mô hình liên kết “3 nhà”.

b) Rà soát, xác định các vấn đề thực tiễn, nhu cầu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thuộc ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý để đề xuất nội dung hợp tác, nghiên cứu, chuyển giao phù hợp.

c) Hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tại địa phương với các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh.

d) Phối hợp theo dõi, đánh giá kết quả triển khai các mô hình trên địa bàn; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

9. Viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức khoa học và công nghệ

a) Tiếp nhận các yêu cầu, bài toán thực tiễn từ cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp; phối hợp phân tích, xác định nhu cầu để đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu, giải pháp công nghệ phù hợp.

b) Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, xây dựng quy trình kỹ thuật, mô hình thử nghiệm và các giải pháp có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

c) Cung cấp đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học tham gia tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật; tổ chức đào tạo, tập huấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình tiếp nhận và làm chủ công nghệ.

d) Phối hợp với doanh nghiệp triển khai thử nghiệm, đánh giá hiệu quả ứng dụng, điều chỉnh và hoàn thiện công nghệ trước khi nhân rộng.

đ) Tiếp tục nghiên cứu cải tiến, nâng cấp công nghệ sau chuyển giao nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

10. Các doanh nghiệp, hợp tác xã

a) Chủ động cung cấp thông tin về nhu cầu sản xuất, định hướng phát triển sản phẩm, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và nhu cầu thị trường để làm cơ sở xác định nội dung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phù hợp.

b) Tham gia phối hợp với viện nghiên cứu, trường đại học trong toàn bộ quá trình triển khai, từ đề xuất nhu cầu, xây dựng phương án kỹ thuật, thử nghiệm, đánh giá đến hoàn thiện công nghệ trước khi đưa vào sản xuất.

c) Bố trí nguồn lực cần thiết về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện sản xuất để tiếp nhận, ứng dụng và từng bước làm chủ công nghệ được chuyển giao.

d) Tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu, quy trình kỹ thuật vào hoạt động sản xuất, kinh doanh; đồng thời, đánh giá hiệu quả thực tiễn và phản hồi để tiếp tục cải tiến công nghệ.

đ) Chủ động đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, phát triển sản phẩm, xây dựng thị trường và thúc đẩy thương mại hóa các kết quả khoa học, công nghệ sau khi tiếp nhận.

IX. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Năm 2026: Giai đoạn chuẩn bị và triển khai thí điểm

a) Rà soát, tổng hợp các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, các quy trình kỹ thuật, sản phẩm công nghệ có khả năng ứng dụng, chuyển giao cho doanh nghiệp.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kết nối giữa nguồn cung công nghệ (viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ) với nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị liên quan thu thập, tổng hợp nhu cầu ứng dụng, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã; làm cơ sở xác định các lĩnh vực ưu tiên triển khai mô hình liên kết “3 nhà”.

d) Lựa chọn một số mô hình có tiềm năng để triển khai thí điểm, làm cơ sở đánh giá, hoàn thiện và nhân rộng trong giai đoạn 2027 - 2028.

2. Giai đoạn 2027 - 2028: Giai đoạn mở rộng và hoàn thiện mô hình

a) Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm, tổ chức đánh giá hiệu quả, khả năng ứng dụng và mức độ phù hợp của các mô hình đã thực hiện.

b) Tiếp tục mở rộng triển khai mô hình liên kết “3 nhà” tại các lĩnh vực có tiềm năng, ưu tiên các ngành, sản phẩm chủ lực của tỉnh.

c) Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

d) Tăng cường kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, làm chủ công nghệ; thúc đẩy hình thành các sản phẩm, quy trình sản xuất có giá trị gia tăng cao.

3. Giai đoạn 2029 - 2030: Giai đoạn nhân rộng và phát triển bền vững

a) Đánh giá tổng thể kết quả thực hiện mô hình liên kết “3 nhà”; lựa chọn các mô hình có hiệu quả để duy trì và nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức nhân rộng các mô hình tiêu biểu; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi vào sản xuất, kinh doanh.

c) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; đề xuất cơ chế, chính sách và định hướng triển khai mô hình trong giai đoạn tiếp theo.

X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Chế độ báo cáo

a) Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan có trách nhiệm căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức theo dõi, tổng hợp và báo cáo tình hình triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch gửi Sở Khoa học và Công nghệ định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm hoặc theo yêu cầu; việc báo cáo có thể được lồng ghép trong các báo cáo định kỳ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Nội dung báo cáo tập trung vào tình hình triển khai các nhiệm vụ, kết quả thực hiện thí điểm mô hình liên kết “3 nhà”, mức độ hoàn thành mục tiêu, hiệu quả ứng dụng, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, chỉ đạo các nội dung cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả triển khai Kế hoạch.

2. Hoạt động rà soát, đánh giá kết quả triển khai mô hình

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, đánh giá kết quả tình hình triển khai tại các mô hình liên kết được lựa chọn.

b) Việc đánh giá tập trung vào các nội dung: mức độ phối hợp giữa các bên tham gia; khả năng ứng dụng, làm chủ công nghệ; hiệu quả kinh tế - kỹ thuật; khả năng duy trì, mở rộng và nhân rộng mô hình.

c) Trên cơ sở rà soát, đánh giá kết quả triển khai mô hình, các đơn vị liên quan đề xuất giải pháp điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế phối hợp và nâng cao hiệu quả thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai mô hình liên kết “3 nhà” giai đoạn 2026 - 2030: Cơ quan nhà nước - Viện nghiên cứu, trường đại học - Doanh nghiệp. Đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc các nội dung vượt thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức khoa học và công nghệ;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội doanh nghiệp; hợp tác xã;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VPUBND tỉnh;
- Các phòng: ĐTKT, NNMT, NV;
- Lưu: VT, KGVX (Hn-2b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo